



Original Article

Approaching to Social Security of Immigrant Workers Through Research in Vietnam and Other Countries

Pham Van Quyet*, Pham Van Hue

VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Received 09 March 2022

Revised 15 March 2022; Accepted 18 March 2022

Abstract: In most cases, migrant workers, with their lifestyle, communication, occupation, income, accommodation, etc. have a difficult time accessing social security policies. By studying existing documents and research works on accessing social security policies of migrant workers, the article aimed to clarify the status and grades of being excluded from the social security system of both international and domestic migrant labour flows. Especially, the article has analyzed and pointed out the main barriers which hinder this access of international migrant labour such as: nationality barrier, the scale of application of social security laws, barriers related to lack of coordination among countries, illegal immigration, etc. Domestic migrant workers face barriers that are associated with the coverage of social security policies and institutional and social barriers, which are directly related to the problem of household registration, as well as barriers related to their weaknesses in cognition, information, and capacity.

Keywords: Migration, migrant labor, migrant workers, social security, accessing social security.

* Corresponding author.

E-mail address: p.quyet3@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4382>

Tiếp cận an sinh xã hội của lao động nhập cư qua một số nghiên cứu ở các nước và ở Việt Nam

Phạm Văn Quyết*, Phạm Văn Huệ

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 09 tháng 3 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 15 tháng 3 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 3 năm 2022

Tóm tắt: Trong đa số trường hợp, lao động nhập cư, với đặc điểm về lối sống, giao tiếp, nghề nghiệp, thu nhập, nơi ở,... của mình, đều rất khó khăn trong tiếp cận các chính sách an sinh xã hội (ASXH). Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu, các công trình nghiên cứu đã có của nhiều tác giả về tiếp cận chính sách ASXH của lao động nhập cư, bài viết đã hướng đến làm rõ tình trạng và mức độ bị loại trừ khỏi hệ thống ASXH của cả dòng lao động di cư quốc tế và dòng lao động di cư trong nước. Đặc biệt, bài viết đã phân tích, chỉ ra những rào cản chủ yếu gây trở ngại cho việc tiếp cận này như: rào cản về quốc tịch, phạm vi áp dụng của luật ASXH, rào cản liên quan đến việc thiếu sự phối hợp giữa các quốc gia, việc nhập cư bất hợp pháp,... của nhóm lao động di cư quốc tế; còn đối với nhóm lao động di cư trong nước là những rào cản gắn với độ che phủ của chính sách ASXH, rào cản về thể chế và xã hội, mà trực tiếp là vấn đề hộ khẩu, cũng như rào cản liên quan với sự yếu kém về nhận thức, thông tin, năng lực của chính nhóm lao động này.

Từ khóa: Di cư, Lao động nhập cư, ASXH, tiếp cận ASXH.

1. Mở đầu

Phù hợp với quan điểm trong Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền của Liên Hợp Quốc (1948): “Với tư cách là một thành viên của xã hội, ai cũng có quyền được hưởng ASXH,... nhờ những nỗ lực quốc gia, sự hợp tác quốc tế” [1], Tổ chức lao động quốc tế (ILO) đã xác định: “ASXH là sự bảo vệ mà xã hội dành cho các cá nhân và hộ gia đình để đảm bảo khả năng tiếp cận chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an ninh thu nhập, đặc biệt trong các trường hợp già yếu, thất nghiệp, ốm đau, thương tật, thai sản hoặc mất người trụ cột trong gia đình” [2]. Cách tiếp cận này của ILO, không những đề cập đến quyền của mỗi người

dân đối với các chiều cạnh cụ thể của ASXH, bao gồm: chăm sóc y tế, trợ cấp gia đình và bù đắp thu nhập trong trường hợp ốm đau, thất nghiệp, tai nạn, mà còn chỉ ra trách nhiệm của xã hội đảm bảo cho người dân có được các quyền đó.

Theo đó, ASXH được xem như giải pháp, chính sách của các quốc gia, là một phần thành phần trong 3 cấu phần cơ bản của hệ thống chính sách xã hội: ASXH, thúc đẩy phát triển xã hội và các chính sách ngành [3]. Nó bao gồm các chính sách và chương trình được thiết kế để giảm nghèo và dễ bị tổn thương bằng cách thúc đẩy thị trường lao động hiệu quả, giảm thiểu rủi ro của người dân [4]. Hệ thống ASXH hiệu quả là công cụ mạnh mẽ để cung cấp an ninh thu nhập, ngăn

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: p.quyet3@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4382>

ngừa và giảm nghèo đói, bất bình đẳng, thúc đẩy hòa nhập xã hội; là khoản đầu tư quan trọng cho hạnh phúc của người dân và hỗ trợ phát triển kinh tế bền vững [5].

Ở Việt Nam, nhiều tác giả đã nghiên cứu ASXH như hệ thống các chính sách và chương trình do Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện; chính sách ASXH là loại chính sách xã hội phổ biến; nội dung ASXH ở Việt Nam được xây dựng dựa trên 4 trụ cột chính: việc làm, thu nhập và giảm nghèo, bảo hiểm xã hội và trợ giúp xã hội những người có hoàn cảnh khó khăn cùng việc bảo đảm một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân [6-9].

Dù xem xét theo cách nào thì đối tượng phục vụ của chính sách ASXH là đảm bảo cuộc sống cho mỗi người dân có việc làm, thu nhập, có cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, trong đó chú trọng bù đắp cho các nhóm thiệt thòi, dễ bị tổn thương, gặp rủi ro, bệnh tật,... và như vậy, việc tiếp cận ASXH phải là quyền của mỗi thành viên trong xã hội.

Di cư là đặc trưng cơ bản của con người ở mọi thời đại; là quá trình di chuyển dân cư từ vùng lãnh thổ này qua vùng lãnh thổ khác. Sự di chuyển này có thể xác định theo khoảng cách và thời gian từ ngắn đến dài [10]. Người tham gia di cư đến sinh sống tại các vùng lãnh thổ mới với các mục đích và các thành phần rất khác nhau. Trong các thành phần di chuyển đó, ngày nay đa số là người lao động [11], di cư vẫn là một thành phần trọng tâm trong chiến lược sinh kế của người lao động nghèo ở các nước đang phát triển [12] và di cư lao động ngày càng trở nên quan trọng trên toàn cầu [13]. Nhất là trong bối cảnh dân số già hóa với tốc độ nhanh và phổ biến ở các nước phát triển thì tình trạng thiếu hụt lao động ở các quốc gia này ngày càng trở nên nghiêm trọng. Dòng di cư của lực lượng lao động đến các nền kinh tế phát triển như một trong những giải pháp hiệu quả cho tình trạng thiếu hụt lao động đó. Trong phạm vi quốc gia, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, sự chênh lệch về mức sống, việc làm và thu nhập giữa các vùng miền, nhất là giữa nông thôn và đô thị thường cũng đã tạo nên dòng di cư của lao động khá mạnh mẽ từ nông thôn đến đô thị.

Dù là di cư quốc tế hay trong phạm vi quốc gia thì mỗi người lao động đến vùng đất mới đều với hy vọng tìm kiếm và cải thiện sinh kế cho bản thân và gia đình, mà cụ thể là kiếm được việc làm có thu nhập cao hơn nơi mà họ ra đi, có cuộc sống ổn định, hòa nhập, an sinh được đảm bảo,... Khi tham gia vào thị trường lao động ở nơi đến, người lao động nhập cư không chỉ giúp làm giảm sức ép về nhu cầu lao động của địa phương, mà còn đóng thuế, đóng quỹ ASXH và nhiều đóng góp khác cho sự phát triển của địa phương. Từ góc độ quyền con người, quyền công dân và với sự đóng góp như vậy, người lao động nhập cư hoàn toàn có quyền bình đẳng (có quyền được tiếp cận và được thụ hưởng các chính sách xã hội, trong đó có ASXH như mọi công dân, như mọi người lao động địa phương). Song thực tế không phải luôn như vậy: trong nhiều trường hợp lao động nhập cư chỉ được coi như công dân hạng 2 [14] hoặc bị loại trừ [9] và không được hưởng các quyền và sự bảo vệ [15] và thường đối mặt với các điều kiện kém hơn nhiều so với người dân ở sở tại [16]; họ gặp nhiều thách thức khi tiếp cận hệ thống chính sách xã hội, trong đó có ASXH; khả năng tiếp cận của họ rất kém, hoặc không tiếp cận được, thậm chí hoàn toàn bị tách biệt khỏi hệ thống chính sách ASXH [11, 14, 16-17].

Xuất phát từ những bất cập đó, trong bài viết này, trên cơ sở tổng thuật những công trình nghiên cứu ở các nước và ở Việt Nam, chúng tôi hướng đến làm rõ các câu hỏi nghiên cứu chính sau: trong các nghiên cứu ở các nước và ở Việt Nam, các tác giả đã phản ánh thực trạng những tiếp cận ASXH của lao động nhập cư từ dòng di cư giữa các quốc gia và dòng di cư trong phạm vi quốc gia như thế nào? Những rào cản chính cản trở việc tiếp cận này hiện nay là gì? Chúng đã được thể hiện như thế nào?

2. Tiếp cận an sinh xã hội của lao động di cư giữa các quốc gia

Theo Báo cáo của ILO (2017), mặc dù có nhiều thành tựu về mở rộng ASXH trên thế giới, phần lớn dân số thế giới chưa được đảm bảo quyền tiếp cận với ASXH: chỉ có 29% dân số thế

giới được tiếp cận với ASXH toàn diện, trong khi 71% còn lại, tương đương với 5,2 tỷ người không được, hoặc chỉ được tiếp cận một phần ASXH; chỉ có 45% dân số toàn cầu được bao phủ thực tế bởi ít nhất một chế độ ASXH, 55% còn lại - tương đương 4 tỷ người chưa được tiếp cận với ASXH [18]. Trong khi đó theo tài liệu của N. Thắng và D. Anh (2019), Hiệp hội ASXH quốc tế đã thông báo, mặc dù phải đối mặt với nhiều rủi ro và có thể dễ bị tổn thương hơn so với các nhóm lao động khác, nhưng chỉ có 20% lao động di cư được bảo vệ hoàn toàn bởi các chính sách ASXH [11]. Như vậy, một bộ phận lớn lao động nhập cư trong số 5,2 tỷ người trên toàn cầu đã không tiếp cận được hoặc chỉ tiếp cận được một phần hệ thống ASXH, trong đó có cả nhóm lao động nhập cư qua biên giới giữa các quốc gia và lao động nhập cư trong phạm vi quốc gia.

Thực trạng tiếp cận ASXH của lao động di cư giữa các quốc gia

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã làm gia tăng thêm số lượng, làm phức tạp và đa dạng hóa các luồng, hướng, các hình thức, thời gian di cư xuyên biên giới của người lao động để tìm kiếm việc làm. Lao động di cư (người di cư để làm việc) cùng với những người trong gia đình họ chiếm tới 90% tổng số những người di cư quốc tế [5]. Người lao động di cư có thể nhập cư theo con đường hợp pháp với giấy phép lao động trên cơ sở các biên bản ghi nhớ giữa các chính phủ, các tổ chức, doanh nghiệp các nước (MOUs) [14]; họ có thể nhập cư theo con đường bất hợp pháp, có thể nhập cư bằng thị thực du lịch, sau đó ở lại như những người lao động nhập cư bất hợp pháp, cũng có thể nhập cư với một hợp đồng làm việc tạm thời,... Số đông lao động nhập cư được làm việc trong các lĩnh vực như xây dựng, sản xuất, khách sạn và nhà hàng, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, giúp việc gia đình và nông nghiệp ở các nước sở tại [16].

Theo K. Hirose và đồng nghiệp, do dòng di cư quốc tế ngày càng gia tăng cả về số lượng và hình thức nên lao động nhập cư phải đối mặt với nhiều bất lợi trong điều kiện làm việc, bao gồm hạn chế quyền hợp pháp, phân biệt đối xử, bị xã hội loại trừ và thiếu ASXH; trên thực tế chỉ một bộ phận nhỏ lao động nhập cư có khả năng được

hưởng phúc lợi ASXH và trở nên dễ bị tổn thương [5]. Nhiều người di cư, đặc biệt là phụ nữ, thường không được bao phủ bởi các chương trình ASXH và các chương trình bảo trợ xã hội khác cả ở quốc gia nhập cư và cả ở quốc gia xuất cư [16].

Ở nhiều quốc gia nơi đến thuộc khu vực kém phát triển hơn, người lao động nhập cư thường gặp phải tình trạng không đầy đủ về ASXH; họ thường phải đối mặt với tình trạng bảo trợ xã hội thiếu hoặc yếu, hoặc không được tham gia các hệ thống bảo trợ xã hội được thiết kế cho người dân sở tại, họ đặc biệt dễ bị tổn thương bởi các cú sốc kinh tế, thất nghiệp và nghèo đói [19-20]. Ở các quốc gia nhập cư thuộc khu vực phát triển, người lao động di cư có thể có điều kiện việc làm và tiếp cận ASXH tốt hơn so với ở quê nhà, nhưng họ thường phải đối mặt với các điều kiện kém hơn nhiều so với người dân ở nước sở tại, họ có địa vị xã hội và pháp lý thấp hơn, có thể là nạn nhân của lạm dụng và bóc lột [16]. Ở một số quốc gia đã cho phép người lao động (bao gồm cả người lao động không có giấy tờ) “chọn tham gia” chương trình ASXH tự nguyện như chương trình bảo hiểm thất nghiệp và lương hưu, song lại thiếu cơ chế bảo vệ họ khỏi giới chủ hoặc bị trục xuất trả thù [20].

Theo J. Hennebry (2017), dù nhập cư vào quốc gia nào thì lao động nhập cư thường phải đối mặt với nhiều rào cản trong việc tiếp cận bảo hiểm thất nghiệp, nghỉ chăm sóc cha mẹ và ốm đau, cũng như bảo hiểm tàn tật, lương hưu và các khoản trợ cấp khác, mặc dù họ có thể trả tiền cho các hệ thống này [20]; họ có nguy cơ mất khả năng hòa nhập với bất kỳ lợi ích an sinh xã hội hiện có nào [21]; họ cũng phải đối mặt với các rào cản trong việc tiếp cận các dịch vụ tinh thần và bảo trợ xã hội, họ có thể bị từ chối trả lương, bị ép buộc hoặc bị bóc lột [20]. Hoặc như trường hợp ở Thái Lan, lao động nhập cư có thu nhập thấp hơn nhiều so với mức lương tối thiểu của Thái Lan, nhất là lao động nhập cư nằm ngoài hệ thống nhập cư chính thức, chỉ 10% lao động nhập cư được nghỉ phép hàng năm, nghỉ lễ, nghỉ ốm có lương, chỉ có 51% người di cư đăng ký tham gia các chương trình chăm sóc sức khỏe và theo ước tính của IOM có 200.000 trẻ em di cư

không được giáo dục dưới bất kỳ hình thức nào, khiến chúng có nguy cơ bị buôn bán cao hơn [14].

Sự bùng phát của đại dịch COVID-19 thời gian gần đây không chỉ gây ra cuộc khủng hoảng nghiêm trọng của hệ thống y tế thế giới mà còn trực tiếp tàn phá thị trường lao động quốc tế. Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm, giảm hoặc mất thu nhập, nợ tiền nhà, thiếu lương thực và những vật dụng thiết yếu khác của người lao động diễn ra ở hầu khắp các quốc gia. Lao động di cư đặc biệt dễ bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng COVID-19, điều này sẽ hạn chế cả khả năng tiếp cận với việc làm của họ ở các quốc gia tiếp nhận và khả năng trở về với gia đình [22]. Đại dịch càng làm bộc lộ rõ hơn những bất cập trong thực tế tiếp cận ASXH của nhóm lao động nhập cư xuyên quốc gia. Nghiên cứu của K. Leadholm (2020) đã chỉ ra rằng, có tới 57% lao động nhập cư ở Thái Lan, chủ yếu đến từ Myanmar, Campuchia, Việt Nam và Lào trong khảo sát của IOM có thu nhập không đủ sống và là thách thức lớn nhất mà họ phải đối mặt, trong khi có 21% gia đình đã cả ngày không có ăn do căng thẳng kinh tế của đại dịch [14]. Khi đại dịch COVID-19 bùng phát, nhiều chính phủ đã kích hoạt gói hỗ trợ nhằm trợ giúp người dân gặp khó khăn dưới tác động của đại dịch, song hầu như người nhập cư không được ghi danh vào bất kỳ chương trình bảo trợ xã hội nào và họ chỉ được cung cấp các khoản dự phòng [23], hoặc họ không thể tiếp cận gói hỗ trợ này do các rào cản pháp lý hoặc sợ bị trục xuất [14].

Như vậy, qua các nghiên cứu đã có thể thấy lao động di cư xuyên biên giới, dù là di cư hợp pháp hay bất hợp pháp và nơi đến là quốc gia phát triển hay ít phát triển thì việc tiếp cận với hệ thống ASXH, nơi mà họ có đóng góp thường phải đối mặt với nhiều khó khăn trở ngại và chịu thua thiệt rất nhiều so với lao động của nước sở tại. Vấn đề này càng trở nên âm ảm và tồi tệ hơn khi xảy ra những biến cố như đại dịch COVID-19.

Những rào cản cho tiếp cận ASXH của lao động di cư giữa các quốc gia

Hầu hết các nghiên cứu của các tác giả khi xem xét về hạn chế trong thực tế tiếp cận hệ

thống ASXH của lao động di cư giữa các quốc gia đều cố gắng tìm hiểu, làm nguyên nhân, rào cản dẫn đến thực tế tiếp cận đó. Theo G. Strban (2010), khả năng tiếp cận của lao động di cư đối với các chế độ phúc lợi và ASXH phụ thuộc vào tình trạng, đặc điểm lao động của họ và mức độ bao phủ của hệ thống ASXH đối với các nhóm hoạt động kinh tế khác nhau [24]. Trên cơ sở này bài viết sẽ phân tích một số rào cản chủ yếu mà các nghiên cứu đã tập trung làm rõ đối với luồng di cư quốc tế.

Trước hết, những rào cản thuộc phạm vi áp dụng của luật pháp quốc gia, trong đó có luật ASXH, luôn được giới hạn trong lãnh thổ quốc gia mà luật được ban hành. Theo đó, lao động nhập cư không chỉ mất khả năng được bảo hiểm trong hệ thống ASXH ở quốc gia xuất cư, mà còn có nguy cơ bị hạn chế hoặc hoàn toàn không được bảo hiểm ở quốc gia họ làm việc [2, 17]. Bên cạnh đó yếu tố quốc tịch cũng được các nhà nghiên cứu nhắc đến như một trong các rào cản mang tính quyết định trong một số trường hợp. Cụ thể, một số quốc gia đã phân biệt đối xử với người lao động nhập cư thông qua luật pháp hướng đến loại trừ các nhóm người nhập cư cụ thể, hoặc thậm chí là tất cả những người không có quốc tịch khỏi phạm vi bảo hiểm hoặc được hưởng các quyền lợi ASXH [3, 5]. M. Olivier (2017) đã đề cập đến các quốc gia cụ thể như ở các nước vùng Vịnh đã đưa ra và thực hiện các điều khoản hạn chế đối với việc mở rộng bảo trợ xã hội cho lao động nhập cư, đặc biệt là các nước ASEAN thường xây dựng các chế độ riêng biệt nhưng thấp hơn về mức độ bao phủ cho lao động nhập cư, đặc biệt là người nhập cư thuộc lao động phổ thông và có kỹ năng thấp [19]. J. John và cộng sự (2020) đã nhắc đến việc di chuyển của lao động giữa các quốc gia, tức là giữa các thị trường lao động khác nhau và theo đó là hệ thống chính sách ASXH cũng rất khác nhau [17].

Rào cản cho tiếp cận ASXH của lao động nhập cư còn do thiếu sự phối hợp giữa các quốc gia về ASXH, khi các thỏa thuận ASXH song phương hoặc đa phương đã được ký kết với nước xuất cư của lao động. Hoặc sự khác biệt giữa các quốc gia trong việc đã phê chuẩn hay chưa phê

chuẩn các Công ước chủ yếu về quyền ASXH của ILO [5, 19]. Hơn nữa, khi xem xét kỹ hơn các hiệp định song phương và đa phương cho thấy có xu hướng các hiệp định hay bỏ qua các yếu tố về quyền được bảo vệ xã hội của lao động di cư; hiếm khi có sự kết hợp cả lao động di cư với chính sách ASXH [20]. *Mặt khác, rào cản* cũng nằm trong chính hệ thống ASXH của các nước cử lao động đi chưa được phát triển đầy đủ, chưa được bao trùm, thường chỉ bao gồm một số lợi ích hạn chế và chỉ liên quan đến những người lao động nhất định, thường là những người lao động có kỹ năng cao hơn và trong nhiều trường hợp lại thiếu năng lực hành chính để thực hiện [5, 19]. Theo J. Hennebry (2017), ngay cả khi các quốc gia đạt được thỏa thuận chia sẻ với nhau trách nhiệm đối với an sinh của lao động di cư thông qua các MOUs thì điều đó cũng khó được thực thi, vì không có cơ quan có trách nhiệm phù hợp để đảm bảo quyền của lao động nhập cư đối với chính sách ASXH [20].

Trong một số trường hợp lao động di cư buộc phải trở thành người nhập cư bất hợp pháp với rất nhiều hạn chế về an sinh và bảo hiểm xã hội, do không vượt qua các điều kiện về ngôn ngữ và tài chính phải cam kết được quy định trong MOUs, đặc biệt trong giai đoạn bùng phát đại dịch COVID-19 vừa qua, do bị mất việc làm, không chỗ ở, biên giới bị đóng không thể trở về nhà, nên bị tập trung cũng dẫn đến nhập cư bất hợp pháp [14]. Ở một số địa phương lao động nhập cư, nhất là nhập cư bất hợp pháp đã bị giới chủ lạm dụng hoàn cảnh thiếu việc làm, lo sợ bị trục xuất đã giữ hộ chiếu, giữ thẻ ASXH, giữ lại tiền lương, buộc lao động nhập cư thực hiện các công việc không an toàn, thiếu các điều kiện bảo vệ, làm việc tiếp cận ASXH càng trở nên tồi tệ hơn [14, 20].

Khi nghiên cứu rào cản từ phía quốc gia xuất cư của lao động, J. Hennebry (2017) thấy rằng, ở một số quốc gia đã đưa ra các biện pháp đơn phương dựa trên sự đóng góp của người xuất cư, song biện pháp này tỏ ra đặc biệt có vấn đề, khi không có cơ sở về quyền và cơ chế giám sát, thực thi thuyết phục phù hợp và hiệu quả [19].

Như vậy, rào cản cho tiếp cận ASXH của lao động di cư xuyên quốc gia liên quan đến tính bao

phủ của hệ thống ASXH và đặc điểm tình trạng của lao động đã được các tác giả từ nhiều nước phân tích dưới nhiều góc độ, song nổi bật trong đó là giới hạn của các điều luật về ASXH trong phạm vi quốc gia, vấn đề về phân biệt đối xử trong ASXH theo quốc tịch, ASXH giữa các thị trường lao động khác nhau, sự thiếu phối hợp giữa các quốc gia nhập cư với quốc gia xuất cư trong các hiệp định đa phương hoặc song phương cũng như sự chênh lệch về ASXH đối với lao động giữa các quốc gia này,... Ngoài ra, tình trạng di cư hợp pháp, bất hợp pháp và những ràng buộc, phụ thuộc của lao động nhập cư với giới chủ, nhất là trong giai đoạn đại dịch COVID-19 bùng phát cũng đã được nghiên cứu, phân tích như những rào cản đối với tiếp cận ASXH của lao động di cư.

3. Tiếp cận an sinh xã hội của lao động nhập cư trong phạm vi quốc gia

Thực trạng tiếp cận ASXH

Trong nhiều dòng di cư thuộc phạm vi quốc gia, dòng di cư của lao động nhập cư vào các đô thị tìm kiếm việc làm, tăng thu nhập, cải thiện sinh kế chiếm vị trí quan trọng [25], nhất là đối với các quốc gia đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; ở Việt Nam lao động di cư hiện nay chiếm khoảng 70% lực lượng lao động tại các thành phố lớn và khu công nghiệp [26]. Đây cũng là nhóm nhận được nhiều sự quan tâm từ các nhà nghiên cứu ở hàng loạt vấn đề, trong đó bao gồm việc tiếp cận với các chính sách về ASXH.

Trong các văn bản pháp luật về ASXH của nhiều quốc gia đã hướng đến bảo vệ quyền lợi cho lao động di cư và đối xử bình đẳng giữa lao động nhập cư với lao động địa phương, như ở Việt Nam pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp không có sự phân biệt giữa người di cư và người không di cư [11], hoặc hệ thống ASXH của Trung Quốc phổ biến ở các chương trình bảo hiểm xã hội bắt buộc với mọi lao động ở thành phố [27] và hệ thống chính sách ASXH cung cấp phạm vi bảo hiểm tương tự cho tất cả các loại lao động [25]. Tuy nhiên, thực tế, việc tiếp cận chính sách ASXH đối với lao động

nhập cư ở các thành phố vẫn có nhiều hạn chế, bất cập.

Lao động nhập cư có đóng góp lớn cho sự phát triển kinh tế của đất nước, của thành phố, nhưng lại không được nhận những lợi ích như người dân thành phố [25]; họ thường làm việc trong khu vực phi chính thức với những công việc nặng nhọc, “bẩn thỉu, gian khổ và nguy hiểm”, tính ổn định của công việc thấp, thời gian làm việc dài, thu nhập thấp hơn lao động địa phương, thậm chí với những công việc không chính thức [17, 25, 28]. Với tính di động cao trong nhiều trường hợp lao động nhập cư làm việc không có hợp đồng lao động [25]; ở Việt Nam lao động di cư chiếm 13,6% tổng dân số, thường làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức [29], tỷ lệ lao động nhập cư làm việc có hợp đồng lao động dưới 3 tháng, không có hợp đồng lao động hoặc chỉ thỏa thuận miệng là 32,2% [11]; họ được tự do tìm kiếm và lựa chọn việc làm, khi gặp rủi ro, tai nạn hay sự cố gì đó, việc giải quyết thường theo thỏa thuận riêng, không được pháp luật can thiệp, bênh vực; rất khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản [8], thiếu hoặc không được đảm bảo bởi hệ thống bảo trợ xã hội của nhà nước về y tế, giáo dục cũng như các cơ chế bảo vệ khi thất nghiệp, lương thấp, điều kiện làm việc tồi tàn, độc hại [30].

Theo J. John và cộng sự (2020) lao động di cư giữa các tiểu bang ở Ấn Độ đa phần là lao động không có kỹ năng và làm việc trong khu vực phi chính thức, không được hưởng các quyền lợi trong các chương trình của chính phủ, khả năng tiếp cận các chương trình và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe rất yếu và kém, các biện pháp bảo hộ lao động không đầy đủ, không phù hợp với công việc; ở một số tiểu bang bảo vệ xã hội và chăm sóc sức khỏe hoàn toàn bị bỏ qua, lao động nhập cư phải đối mặt với nhiều rủi ro về sức khỏe [17]. Còn ở Việt Nam tác giả Đoàn Hiền (2020) đã trích dẫn số liệu của Tổng cục Thống kê: hiện nay có 38% người di cư lâu dài, 40% người di cư tương đối lâu dài và 46% người di cư tạm thời đang sinh sống và làm việc ở đô thị không có thể bảo hiểm y tế; tỷ lệ lao động phi chính thức không có bảo hiểm xã hội lên tới 97,9% [26].

Về chỗ ở, phần lớn lao động nhập cư, nhất là lao động nhập cư nghèo và lao động trong lĩnh vực xây dựng có chỗ ở chất lượng thấp kém, trong các phòng trọ đông đúc, hay trong các lều, lán trại dựng tạm bợ, thiếu các tiện nghi cơ bản, điều kiện điện nước và vệ sinh môi trường, an ninh trật tự không đảm bảo, xa lánh xã hội, kém tương tác xã hội và thiếu hòa nhập với cộng đồng địa phương [9, 17]. Việc tiếp cận dịch vụ giáo dục với họ cũng trở nên khó khăn, nhất là trong trường hợp nhập học cho con cái ở nơi nhập cư và không ít gia đình phải chấp nhận trả tiền học phí cao hơn cho con học ở những trường tư, hoặc nhiều gia đình phải để con ở lại quê cùng người thân do điều kiện thu nhập hết sức ít ỏi [26].

Năm 2020, khi đại dịch COVID-19 bùng phát, những bất cập trong tiếp cận ASXH của lao động nhập cư ở các thành phố càng được thể hiện và bộc lộ rõ ràng hơn, nhất là trong thời kỳ giãn cách xã hội. Một số nghiên cứu của các tác giả ở Ấn Độ và Việt Nam xung quanh chủ đề này có thể coi là những ví dụ khá điển hình phản ánh tiếp cận ASXH của lao động di cư trong giai đoạn đại dịch COVID-19. Đại dịch đã làm tăng tính dễ bị tổn thương của người di cư cả với trường hợp kịp trở về quê hương và cả với trường hợp bám trụ ở lại thành phố khi giãn cách xã hội, họ đều phải đối mặt với tình trạng không có việc làm, không thu nhập hoặc bảo trợ xã hội [31]. Lao động di cư đã trở thành một trong những nhóm chịu nhiều tổn thương, rủi ro trong đại dịch [26]. S. Sengupta và cộng sự (2020) cho rằng đến tháng 5/2020, Ấn Độ đã có 400 triệu lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức, chiếm 90% lực lượng lao động của cả nước, đang có nguy cơ rơi vào cảnh nghèo đói; còn tình trạng của lao động nhập cư đã được mô tả trong “sự lựa chọn giữa vi rút và chết đói”; người lao động di cư ở một số bang của Ấn Độ, bị xua đuổi, rơi vào cảnh hỗn loạn và bị đối xử như những kẻ mang mầm bệnh và đây cũng là những thách thức rất lớn trong việc cung cấp cứu trợ [31]. Còn ở Việt Nam, đến tháng 12/2020, cả nước có 32,1 triệu lao động bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch COVID-19 bao gồm mất việc làm, nghỉ giãn việc, trong đó, 69,2% người bị giảm thu nhập. Khu vực dịch vụ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất với 71,6% lao

động bị ảnh hưởng, tiếp đến là khu vực công nghiệp và xây dựng với 64,7% lao động bị ảnh hưởng [32]. Điều này có nghĩa, nhóm lao động di cư tự do ở Việt Nam, mà chủ yếu tham gia lĩnh vực dịch vụ, xây dựng sẽ là một trong những nhóm bị tác động mạnh mẽ nhất của đại dịch COVID-19.

A. Adhikari và cộng sự (2020) đã dựa trên kết quả khảo sát của SWAN (Stranded Workers Action Network) đối với hơn 23 ngàn lao động di cư bị mắc kẹt ở các thành phố tại Ấn Độ trong thời gian giãn cách xã hội để mô tả thực tế tiếp cận những lợi ích từ hệ thống ASXH. Theo đó có 18,4% lao động không nhận được phần ăn trong suốt thời gian giãn cách xã hội; có 77,4% lao động không nhận được phần ăn (22,6% có nhận được) trong khoảng thời gian trung bình 10 ngày ở thời kỳ giãn cách xã hội; có 36,3% lao động hằng tuần không tiếp cận được với thức ăn nấu chín (63,7% có tiếp cận được) và tỷ lệ lao động nhập cư được/không được trả lương trong thời gian giãn cách xã hội là: 4% lao động được trả đủ lương, 84% không được trả lương và 12% được trả lương một phần [33]. Các số liệu từ khảo sát đã cho thấy việc hằng ngày, hằng tuần tiếp cận được với đồ ăn, có thu nhập để đáp ứng nhu cầu cơ bản nhất của con người ở nhóm lao động nhập cư bị mắc kẹt tại các thành phố là cực kỳ khó khăn.

Qua các nghiên cứu ở một số quốc gia xung quanh về tiếp cận hệ thống ASXH của lao động nhập cư vào các đô thị trong dòng di cư trong phạm vi quốc gia đã cho thấy, việc ứng xử của hầu hết các xã hội chưa đáp ứng và tương xứng với những đóng góp của nhóm lao động này cho sự phát triển của địa phương và của đất nước. Những gì mà họ được hưởng và được sử dụng từ các chương trình ASXH thường ở mức thấp hơn so với lao động cùng trình độ của địa phương; việc tiếp cận với các dịch vụ xã hội như cung cấp việc làm, nhà ở, y tế, giáo dục,... đều trở nên khó khăn và bất cập hơn, trong nhiều trường hợp thậm chí không thể tiếp cận được. Vấn đề càng trở nên tồi tệ hơn, càng nhanh chóng đẩy họ rơi vào nhóm dễ bị tổn thương hơn khi trong đời sống của họ xảy ra những biến cố như đại dịch COVID-19 thời gian gần đây.

Những rào cản cho tiếp cận ASXH của lao động di cư trong phạm vi quốc gia

Khi nghiên cứu về những hạn chế đối với tiếp cận ASXH của lao động nhập cư trong phạm vi quốc gia, hầu hết các tác giả đã cố gắng phân tích để chỉ ra những rào cản gây ra những hạn chế đó. Tùy thuộc vào thực tiễn của mỗi quốc gia, cách tiếp cận của từng tác giả, mà các rào cản đã được phân tích với đa dạng các chiều cạnh. Trong phạm vi bài báo này chúng tôi sẽ cố gắng làm rõ 3 loại rào cản cơ bản đã được các tác giả chỉ ra trên cơ sở phù hợp với thực tiễn Việt Nam: rào cản gắn với tính bao phủ của hệ thống ASXH, rào cản thuộc về thể chế và xã hội và rào cản gắn với sự hạn chế, yếu kém cả về nhận thức, trình độ của chính lao động nhập cư.

Các chương trình, chính sách ASXH của các quốc gia đều cố gắng hướng đến bao phủ toàn dân, song thực tế những cố gắng đó không phải lúc nào cũng đáp ứng được, cũng bao phủ được tất cả mọi thành phần, mọi tầng lớp xã hội. Vì vậy, việc thực hiện bất kỳ chương trình ASXH nào cũng đều là một sự thách thức, song các chính phủ có thể ưu tiên hơn cho các nhóm ảnh hưởng hơn trong các chính sách này, vì họ có nhiều khả năng hơn để giải trình hoặc mang lại lợi thế cho bầu cử [34]. Stephen Kidd (2014) đã đưa ra ví dụ về chương trình bảo trợ xã hội ở Nam Phi có mức độ bao phủ cao, đã bao gồm một tỷ lệ dân số cao, song không phải ai cũng có thể tiếp cận được chương trình này, như với trẻ em chẳng hạn [34].

Khi nghiên cứu hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của Trung Quốc, A. J. He (2020) đã nhận xét, mặc dù đã bao phủ bảo hiểm toàn dân, nhưng sự phân tán của hệ thống bảo hiểm xã hội, y tế đã tạo ra nhiều hệ quả tiêu cực khác nhau. Đặc biệt, tùy thuộc vào điều kiện địa phương và khả năng tài chính, gói hưởng lợi khác nhau đáng kể giữa các chương trình và địa phương, dẫn đến sự không công bằng có hệ thống [27].

Hệ thống chính sách ASXH của Việt Nam cũng không nằm ngoài những bất cập liên quan đến độ bao phủ này. Đó là hệ thống chính sách công kênh, chồng chéo với hơn 230 văn bản các loại, song hạn chế trong chất lượng, hiệu quả,

trong mức độ bao phủ, trợ giúp xã hội và sự tham gia của các bên liên quan trong ban hành và thực hiện [7]. Đó là “lưới ASXH không những mỏng lại hẹp và manh mún nên chưa che phủ hết được khu vực kinh tế phi chính thức, hiện thu hút nhiều lao động phổ thông và là nguồn sinh kế cho nhóm đối tượng thu nhập thấp. Tình trạng việc làm không có bảo hiểm, không hợp đồng diễn ra phổ biến tại khu vực này...” [35]. Trên cơ sở nghiên cứu hệ thống chính sách ASXH đối với lao động nhập cư nghèo ở các đô thị Việt Nam, Phạm Văn Quyết (2017) đã đi đến kết luận, ở góc độ bảo hiểm xã hội, có thể nói một số lượng lớn lao động nhập cư nghèo vẫn đứng bên ngoài hệ thống ASXH [9]. Theo đó các nghiên cứu đã thấy, vẫn có một số lượng đáng kể lao động nhập cư bị loại trừ khỏi những cấu thành nhất định trong hệ thống ASXH của quốc gia.

Rào cản rõ ràng nhất mà người di cư trong nước phải đối mặt thuộc về thể chế và xã hội, trực tiếp gắn với hệ thống đăng ký hộ khẩu, hộ tịch ở một số quốc gia. A. Watson, (2009) phân tích vấn đề hộ khẩu (hukou) ở Trung Quốc đã một thời phù hợp với hệ thống chi trả phúc lợi xã hội theo địa phương (nông thôn/đô thị), song hệ thống này mâu thuẫn rõ rệt với sự tồn tại của dân số di động và nhu cầu của thị trường lao động tích hợp [25]. Do hạn chế về hộ khẩu, hầu hết lao động nhập cư ở Trung Quốc bị loại trừ hoặc không được tiếp cận với hệ thống phúc lợi đô thị [36]. Mặc dù những nỗ lực đáng kể của Nhà nước Trung Quốc trong những năm qua nhằm giảm sự bất bình đẳng mang tính hệ thống này, song ASXH cho nhóm dân cư dễ bị tổn thương này vẫn là một vấn đề chính sách quan trọng [27].

Ở Việt Nam rào cản đáng chú ý nhất trong số những trở ngại mà người di cư phải đối mặt cũng là vấn đề hộ khẩu. Hệ thống hộ khẩu trở thành điều kiện tiên quyết để tiếp cận đến quyền sở hữu nhà và các quyền lợi về kinh tế và xã hội khác nhau [37]. Chi tiết hơn, với tư cách là người tạm trú không phải dân thường trú, người di cư không có điều kiện xin việc ở khu vực chính thức, hạn chế về học hành, chăm sóc sức khỏe, sở hữu nhà đất, không có giấy phép sử dụng đất, kinh doanh, đăng ký hoặc mua bán tài sản như nhà cửa hay xe cộ, khai sinh, khai tử. Chi phí sử dụng các

dịch vụ xã hội của người không có hộ khẩu thường trú cũng cao hơn đáng kể” [38]. Họ cũng ít có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ tín dụng tại thành phố [8].

Đặc biệt đối với nhóm lao động nhập cư nghèo, trong bối cảnh Việt Nam vẫn giữ hệ thống “hộ khẩu” và còn nhiều thủ tục, chính sách gắn với hộ khẩu. Không có hộ khẩu và không được bình xét là hộ nghèo, người nhập cư khó dựa vào các thiết chế chính thức, khó tiếp cận với hệ thống ASXH tại đô thị [39]. Thời gian gần đây, sau nhiều sửa đổi trong các quy định của Nhà nước theo hướng tạo điều kiện hơn cho lao động nhập cư hòa nhập với cuộc sống ở thành phố, song vấn đề hộ khẩu cũng vẫn là những rào cản lớn đối với lao động nhập cư nghèo tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Bởi lẽ, rất nhiều chính sách từ lao động việc làm, hỗ trợ vốn đến các chính sách liên quan đến các dịch vụ xã hội của người nghèo đã được chính quyền ở các địa phương thực hiện và giải quyết chỉ hướng sự “ưu tiên” cho số cư dân thường trú, còn đối với số nhập cư nghèo tạm trú dường như vẫn đứng ngoài các hệ thống chính sách trên [9].

Sự hạn chế, yếu kém về nhận thức, năng lực của chính lao động nhập cư cũng được nhiều tác giả phân tích như một trong những rào cản lớn cản trở khả năng tiếp cận đến ASXH của lao động nhập cư. Stephen Kidd (2014) cho rằng, sự yếu kém về chính trị của các gia đình có thu nhập thấp đã gợi ý cho các chính phủ hạn chế cung cấp các chương trình chất lượng cao, tốn kém cho họ [12]; đồng thời tác giả đã lý giải, bất lợi về cấu trúc và hạn chế về khả năng như làm giấy khai sinh, làm chứng minh thư, kinh phí đi lại, bệnh tật,... đã cản trở họ có tài liệu nhận dạng được số hóa để mở tài khoản ngân hàng và thanh toán, như điều kiện cho tiếp cận các chương trình bảo trợ xã hội [10].

Người lao động nhập cư thiếu khả năng tiếp cận ASXH và các dịch vụ cơ bản như y tế, bảo trợ xã hội còn do thiếu nhận thức về các biện pháp pháp lý và chính hệ thống ASXH hiện có, hoặc thiếu khả năng tiếp cận các quyền và quyền lợi của lao động nhập cư [17], cũng như thiếu thông tin về các chính sách ASXH [26]. Ngoài ra những hạn chế từ chính đặc điểm nhóm lao

động nhập cư tại các thành phố như sống khép kín, mạng lưới xã hội nghèo nàn, bó hẹp trong nhóm nhỏ của những người cùng nhập cư, xa lánh xã hội, kém giao tiếp xã hội, thiếu hòa nhập xã hội, tự ti, tự kỳ thị,... cũng được các tác giả phân tích và xem đó như những hạn chế liên quan đến năng lực của lao động nhập cư [9, 17].

Tóm lại, phù hợp với dòng di cư trong nước, từ nhiều chiều cạnh khác nhau, các nhà nghiên cứu cả ở các nước và Việt Nam đã hướng sự phân tích để làm nổi bật 3 loại rào cản chính gây nhiều khó khăn trở ngại cho tiếp cận chính sách ASXH của lao động nhập cư: hệ thống ASXH của Việt Nam cũng như của nhiều nước còn bất cập, nhỏ hẹp, chưa bao phủ được hết nhóm lao động phi chính thức nói chung và lao động nhập cư nói riêng. Rào cản thuộc về thể chế xã hội được thể hiện trong nhiều chiều cạnh ở các quốc gia, song nổi cộm hơn cả là vấn đề về hộ khẩu như ở Việt Nam và Trung Quốc. Chính sách hộ khẩu trong hệ thống quản trị với dân cư ít di động, đã gây rất nhiều khó khăn, trở ngại cho nhóm dân cư di chuyển nhiều trong tiếp cận hệ thống ASXH như bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội, các dịch vụ xã hội và sự công bằng xã hội. Năng lực, thông tin, sự yếu kém và nhận thức của chính lao động nhập cư về quyền ASXH, về hệ thống ASXH của quốc gia, địa phương cũng được các nghiên cứu xem xét phân tích như một trong những rào cản lớn cản trở khả năng tiếp cận đến ASXH của lao động nhập cư.

4. Kết luận

Các nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài Việt Nam về tiếp cận chính sách ASXH của lao động nhập cư đã giúp làm rõ một số điểm nổi bật sau:

Lao động di cư xuyên biên giới, dù là hợp pháp hay bất hợp pháp thì việc tiếp cận đến hệ thống ASXH ở chính những nơi mà họ có đóng góp sức lao động đã phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức và chịu thua thiệt nhiều so với lao động của nước sở tại. Vấn đề này càng trở nên tồi tệ và được thể hiện đậm nét hơn khi xảy ra những biến cố trong cuộc sống như đại dịch COVID-19.

Đối với dòng di cư trong nước, lao động di cư được hưởng và được sử dụng những lợi ích từ các chương trình ASXH thường ở mức thấp hơn so với lao động địa phương; việc tiếp cận với các dịch vụ xã hội như cung cấp việc làm, nhà ở, bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội, y tế, giáo dục,... đều trở nên khó khăn hơn, trong nhiều trường hợp thậm chí không thể tiếp cận được.

Rào cản cho tiếp cận ASXH của lao động di cư xuyên quốc gia đã được các tác giả phân tích dưới nhiều góc độ, song nổi bật trong đó là giới hạn của các điều luật về ASXH trong phạm vi quốc gia, vấn đề về phân biệt đối xử trong ASXH theo quốc tịch, ASXH giữa các thị trường lao động khác nhau, sự thiếu phối hợp giữa các quốc gia nhập cư với quốc gia xuất cư trong các hiệp định đa phương hoặc song phương cũng như sự chênh lệch về ASXH đối với lao động giữa các quốc gia này và tình trạng di cư (hợp pháp/bất hợp pháp) của lao động nhập cư cũng đã được phân tích làm rõ.

Rào cản cho tiếp cận ASXH của lao động di cư trong nước đã được chỉ ra và được thể hiện qua sự hạn chế ở mức độ che phủ hết của hệ thống ASXH đối với nhóm lao động nhập cư; qua thể chế xã hội mà nổi cộm hơn cả là vấn đề về hộ khẩu như ở Việt Nam và Trung Quốc; chính vấn đề hộ khẩu đã gây rất nhiều khó khăn, trở ngại cho nhóm dân cư di chuyển nhiều trong tiếp cận hệ thống ASXH. Ngoài ra, năng lực, thông tin, sự yếu kém và nhận thức của chính lao động nhập cư về quyền ASXH, về hệ thống ASXH cũng là những rào cản lớn đối với khả năng tiếp cận đến ASXH của lao động nhập cư.

Một số khuyến nghị gợi ý chính sách

Từ các kết luận có được, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị gợi ý chính sách nhằm tăng cường khả năng tiếp cận ASXH của lao động nhập cư:

Quan tâm nhiều hơn nữa đến việc gắn quyền và lợi ích của người lao động về ASXH tại các thỏa thuận hợp tác quốc tế trong các mối quan hệ song phương hoặc đa phương, đối với lao động nước ngoài ở Việt Nam, đặc biệt là đối với người Việt Nam lao động ở các nước; có giải pháp phù hợp giúp lao động Việt Nam ở các nước nắm vững quyền ASXH và hệ thống ASXH của nước

sở tại; đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động và gia đình họ trước, trong và sau khi người lao động đi lao động hợp tác quốc tế trở về.

Xem xét, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên các chính sách ASXH, đảm bảo chính sách có độ che phủ rộng, tránh chồng chéo, manh mún, tạo điều kiện thuận lợi cho lao động di cư tiếp cận dễ dàng với lưới ASXH. Nhanh chóng xóa bỏ chế độ quản lý theo hộ khẩu, nhất là đối với các chế độ liên quan đến quyền ASXH của lao động di cư; có giải pháp phù hợp giúp nâng cao hiểu biết và năng lực của nhóm lao động nhập cư, nhất là với nhóm lao động nhập cư tự do hiện đang sinh sống và làm việc tại các đô thị Việt Nam.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số QG.21.35.

Tài liệu tham khảo

- [1] UN, Universal Declaration of Human Rights, 1948, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Tuyen-ngon-quoc-te-nhan-quyen-1948-65774.aspx> (accessed on: August 26th, 2021).
- [2] ILO, Facts on Social Security, Geneva Switzerland, https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---dcomm/documents/publication/wcms_067588.pdf/, 2001 (accessed on: August 26th, 2021).
- [3] S. Cecchini, R. Martinez, Inclusive Social Protection in Latin America: A Comprehensive Rights-Based Approach, Economic Commission for Latin America and the Caribbean (ECLAC) Santiago, Chile, 2012, pp. 116.
- [4] World Bank, Social Protection Sector Strategy Paper: From Safety Net to Springboard. Washington, D.C: World Bank Group, 2001, <https://socialprotection.org/discover/publications/social-protection-sector-strategy-safety-net-springboard> (accessed on: September 19th, 2021).
- [5] K. Hirose, M. Nikac, E. Tamagno, Social Security for Migrant Workers A Rights-based approach, ILO Budapest, Hungary, 2011, pp. 1-4.
- [6] N. T. Dam, Completing Social Security Policies in Line with the Country's Socio-economic Development, Labor and Social Magazine Online, 2016, <https://laodongxahoi.net/hoan-thien-chinh-sach-an-sinh-xa-hoi-phu-hop-voi-qua-trinh-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-cua-dat-nuoc-1304143.html> (accessed on: September 19th, 2021) (in Vietnamese).
- [7] L. N. Hung, N. N. Anh, The Social Security Policy in Vietnam: Current Situation and Some Issues Raised, Political Theory Journal online, 2017, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/2286-chinh-sach-an-sinh-xa-hoi-o-viet-nam-thuc-trang-va-mot-so-van-de-dat-ra.html> (accessed on: September 19th 2021) (in Vietnamese).
- [8] T. N. M. Thu, The Process of Integrating into the Urban Community of Free Migrant Workers, PhD thesis, Graduate Academy of Social Sciences Hanoi, 2014 (in Vietnamese).
- [9] P. V. Quyet, The Social Inclusion for Migrated Labors to Urbans in Vietnam, The VNU Hanoi Publisher, 2017, pp. 123-202 (in Vietnamese).
- [10] D. Massey, Social Structure, Household Strategies, and Cumulative Causation of Migration, Population Index, Vol. 56, No. 1, 1990, pp. 3-26.
- [11] N. Thang, D. Anh, Social Security for Migrant Workers, Social Security Magazine online, 2019, <http://baobaohiemxahoi.vn/vi/tin-chi-tiet-an-sinh-xa-hoi-cho-lao-dong-di-cu-271cb818.aspx> (accessed on: September 6th 2021) (in Vietnamese).
- [12] U. Kothari, Migration and Chronic Poverty, Chronic Poverty Research Centre, University of Manchester, Working Paper ISBN Number: 1-904049-15-X, No. 16, 2002.
- [13] K. Sapkota, Seasonal Labour Migration and Livelihood in the Middle Hill of Nepal: Reflections From Arghakhanchi District, Research Nepal Journal of Development Studies, Vol. 1, No. 1, 2018, pp. 42-57.
- [14] K. Leadholm, COVID-19 Destroyed Thailand's Economy, and the Livelihoods of Migrant Workers, Pulitzer Center October 12, 2020, <https://pulitzercenter.org/stories/covid-19-destroyed-thailands-economy-and-livelihoods-migrant-workers> (accessed on: May 19th, 2021).
- [15] I. Awad, The Global Economic Crisis and Migrant Workers: Impact and Response, International Labour Organization - Geneva: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_protect/---protrav/---migrant/documents/publication/wcms_179813.pdf/, 2009 (accessed on: September 20th, 2021).
- [16] W. V. Ginneken, Social Protection for Migrant Workers: National and International Policy Challenges, European Journal of Social Security, Vol. 15, No. 2, 2013, pp. 209-221.
- [17] J. John, N. J. Thomas, M. Jacob, N. Jacob, A Study on Social Security and Health Rights of Migrant Workers in India. Kerala Development Society, New Delhi, 2020, pp. 12-13.

- [18] ILO, World Social Protection Report 2017-19: Universal social protection to achieve the Sustainable Development Goals, International Labour Office – Geneva, First published 2017.
- [19] M. Olivier, Social Protection for Migrant Workers Abroad: Addressing the Deficit via Country-of-origin Unilateral Measures?, International Organization for Migration (IOM), Switzerland, 2017, pp 1-12.
- [20] J. Hennebry, Securing and Insuring Livelihoods: Migrant Workers and Protection Gaps, International Organization for Migration (IOM) Geneva, Switzerland, 2017, pp. 3-5.
- [21] J. Hennebry, Falling through the Cracks? Migrant Workers and the Global Social Protection Floor. *Global Social Policy*, Vol. 14, No. 3, 2014, pp. 369-388.
- [22] ILO, COVID-19 and Employment: Impact and Response. Quick Report, March 18, 2020, https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/briefingnote/wcms_740946.pdf (accessed on: September 5th, 2021) (in Vietnamese).
- [23] S. Pandey, Social Security for Migrant Worker During COVID-19, *Economic and Political Weekly*, Vol. 55, No. 26-27, 2020, pp. 7.
- [24] G. Strban, Social Security of (migrant) Seasonal Workers, Social Security Co-ordination and Social Security Reforms, Ljubljana, 2010.
- [25] A. Watson, Social Security for China's Migrant Workers – Providing for Old Age, *Journal of Current Chinese Affairs*, Vol. 38, No. 4, 2009, pp. 85-115.
- [26] D. Hien, Building a Social Security System, Ensuring that Rural Migrant Workers Integrate into Urban Society, Stable and Sustainable Career change, *Communist Review*, 2020, https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van-hoa_xa_hoi/-/2018/820468/xay-dung-he-thong-an-sinh-xa-hoi%2C-bao-dam-cho-lao-dong-nong-thon-di-cu-hoa-nhap-xa-hoi (accessed on: August 5th, 2021) (in Vietnamese).
- [27] A. J. He, Access to Social Protection by Immigrants, Emigrants and Resident Nationals in China, in J. M. Lafeur, D. Vintila (Eds.), *Migration and Social Protection in Europe and Beyond A Focus on Non-EU Sending States*, Belgium, Springer, Vol. 3, 2020, pp. 77-93.
- [28] P. V. Quyet, T. V. Kham, Discrimination Against Poor Immigrant Workers in Vietnamese Urban Areas, in *Vietnamese Social Sciences*, Vol. 1, No. 171, 2016.
- [29] L. T. T. Binh, Impact of The COVID-19 on Labor and Employment in Some Vulnerable, <https://vass.gov.vn/nghien-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/Tac-dong-cua-dai-dich-Covid-19-125/>, 2021 (accessed on: April 19th, 2021) (in Vietnamese).
- [30] L. B. Duong, D. N. Anh, K. T. Hong, L. H. Trung, R. L. Bach, *Social Protection for Disadvantaged Groups in Vietnam*, Hanoi, The Gioi Publisher, 2005.
- [31] S. Sengupta, M. K. Jha, *Social Policy, COVID-19 and mpoverished Migrants: Challenges and Prospects in Locked Down India*, *The International Journal of Community and Social Development*, Vol. 2, No. 2, 2020, pp. 152-172.
- [32] General Statistics Office of Vietnam, Report on the Impact of the Covid-19 Epidemic on the Labor Situation, Employment in the Fourth Quarter and 2020, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/bao-cao-tac-dong-cua-dich-covid-19-den-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-tai-viet-nam/>, 2021 (accessed on: August 19th, 2021) (in Vietnamese).
- [33] A. Adhikari, N. Goregaonkar, R. Narayanan, N. Panicker, N. Ramamoorthy, *Manufactured Maladies: Lives and Livelihoods of Migrant Workers During COVID-19 Lockdown in India*, *The Indian Journal of Labour Economics*, No. 63, 2020, pp. 969-997.
- [34] S. Kidd, *Social Exclusion and Access to Social Protection Schemes*, Department of Foreign Affairs and Trade (DFAT), Commonwealth of Australia, 2014, pp. 8.
- [35] D. N. Anh, *Social Security in Vietnam, Issues and Some Policy Recommendations*, Workshop on Social Security for the Informal Sector, Issues and Prospects, Vietnam Academy of Social Sciences and MISEREOR, Hanoi, 2012, pp. 55 (in Vietnamese).
- [36] Q. Gao, S. Yang, S. Li, *Labor Contracts and Social Insurance Participation among Migrant Workers in China*, *China Economic Review*, Vol. 23, No. 4, 2012, pp. 1195-1205.
- [37] L. B. Duong, N. T. Liem, *from Rural to Urbans: Social and Economic Impacts of Migration in Vietnam*, Institute of Social and Economic Development, Hanoi, 2011, pp. 152-153 (in Vietnamese).
- [38] D. N. Anh, *Internal Migration, Opportunities and Challenges for Innovation and Development in Vietnam*, Hanoi: The Gioi Publisher, 2005, pp. 27 (in Vietnamese).
- [39] Oxfam and Actionaid, *Effects of Price Fluctuations on the Lives of Population Groups in Some Urban Areas*, Quick Survey Report, Oxfam – Actionaid Vietnam, Hanoi, 2011 (in Vietnamese).